TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2023/DS.ST
Ngày: 24 - 3 - 2023
V/v tranh chấp hợp
đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh
2. Bà Trần Thị Phận

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định

- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long *(không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).*

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 229/2022/TLST- DS ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Đ** (gọi tắt P). Địa chỉ: Số B, N, phường T, quận H, Tp ..

Đơn vị thực hiện cấp tín dụng: **Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh C.**

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn:

Ông **Huỳnh Cảnh K** – Chức vụ: Giám đốc khách hàng cá nhân.

Ông **Trần Phương K1** – Chức vụ: Chuyên viên tố tụng (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 2953/UQ-PVB ngày 29/11/2022).

Địa chỉ: Lầu F, A T, phường A, quận N, Tp ..

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Bảo G**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Bà **Phạm Thị M**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ A, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2022 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 (gọi tắt P) trình bày: Vào ngày 08/11/2019, vợ chồng của ông Huỳnh Bảo G, bà Phạm Thị M có vay của P số tiền 191.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô theo Hợp đồng cho vay số 641/2019/HĐTD/PVB-CNCTO ngày 08/11/2019 (Hợp đồng tín dụng). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông G, bà M chỉ thanh toán nợ gốc được 38.241.301đ, nợ lãi 20.313.748đ, tổng cộng là 58.555.049đ.

Về đảm bảo tiền vay: là xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu DONGBEN, số loại DBQ20/KMd, chỗ ngồi 02 chỗ; màu sơn: màu bạc; số khung RM3BAFAC3JK200113; số máy: DAM15R179007638QUA; biển kiểm soát 64C-081.69 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016671 do Phòng CSGT - Công an tỉnh V cấp ngày 01/11/2019 do ông Huỳnh Bảo G đứng tên sở hữu.

Dư nợ tính đến ngày 16/11/2022 thì ông G, bà M còn nợ P tổng số tiền: 198.620.150đ, bao gồm 152.758.699đ nợ gốc và 45.861.451đ nợ lãi.

P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết buộc ông G, bà M trả số tiền nêu trên và yêu cầu tiếp tục thanh toán nợ tiền lãi phát sinh từ ngày 17/11/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp, ông ông G, bà M không trả hoặc trả nợ không đầy đủ thì V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp cho giao dịch bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số 641/2019/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 08/11/2019 để đảm bảo việc thu hồi nợ. Trường hợp, tài sản bảo đảm không đủ thanh toán cho khoản nợ của ông G, bà M thì yêu cầu ông G, bà M phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho V.

Từ khi thụ lý đến nay, bị đơn là ông Huỳnh Bảo G, bà Phạm Thị M đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng chưa cung cấp ý kiến và tài liệu chứng cứ có liên quan quan đến yêu cầu của P.

Tại phiên tòa, ông Trần Phương K1 đại diện P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Huỳnh Bảo G1, bà Phạm Thị M trả số tiền còn nợ P tính đến ngày 24/3/2023 là 208.674.783đ, trong đó: Nợ gốc là 152.758.699đ; nợ lãi 55.916.084 và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 25/3/2023 đến ngày ông G1, bà M thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho P.

Hiện ông G1, bà M đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho P biết kể từ năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét nguyên đơn là P yêu cầu bị đơn là ông Huỳnh Bảo G1, bà Nguyễn Thị M1 trả số tiền vay theo Hợp đồng cho vay số 641/2019/HĐTD/PVB-CNCTO ngày 08/11/2019, bị đơn có nơi cư trú ở huyện B, mục đích vay tiền để mua sắm tài sản, các bên không có thỏa thuận khác về cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xét bị đơn là ông G1, bà M1 đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 03/3/2023, ngày 24/3/2023 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét vào ngày 08/11/2019, vợ chồng của ông Huỳnh Bảo G1, bà Phạm Thị M và P đã ký kết Hợp đồng vay số 641/2019/HĐTD/PVB-CNCTO ngày 08/11/2019, Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 641/2019/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 08/11/2019, các hợp đồng đã được công chứng, hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo; việc ký kết hợp đồng giữa 02 bên là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận vay tiền không trái pháp luật. Xét ông G1, bà M đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và chứng cứ do P gửi nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa có ý kiến phản đối nên đây được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét sau khi vay, bà M, ông G1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, tính đến ngày 24/3/2023 số tiền còn nợ phải trả là 208.674.783đ, trong đó: Nợ gốc là 152.758.699đ; nợ lãi 55.916.784đ; do vậy yêu cầu khởi kiện của là P có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Mặt khác, bà M, ông G1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho P theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 641/2019/HĐTD/PVB-CNCTO ngày 08/11/2019 kể từ ngày 25/3/2023 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp ông G1, bà M không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số 641/2019/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 08/11/2019 để đảm bảo việc thu hồi nợ. Trong trường hợp, tài sản bảo đảm không đủ thanh toán cho khoản nợ của ông G1, bà M thì ông G1, bà M phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho P.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông G1, bà M phải nộp án phí theo quy định. V không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 463, 465, 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Điều 144, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là P) do ông Trần Phương K1 đại diện.

2. Buộc ông Huỳnh Bảo G1, bà Phạm Thị M có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền còn nợ cho P theo Hợp đồng vay số 641/2019/HĐTD/PVB-CNCTO ngày 08/11/2019 tính đến ngày 24/3/2023 bằng 208.674.783đ *(trong đó: Nợ gốc là 152.758.699đ, nợ lãi là 55.916.084đ).*

3. Ông G1, bà M còn phải tiếp tục trả lãi cho cho P theo Hợp đồng vay số 641/2019/HĐTD/PVB-CNCTO ngày 08/11/2019 kể từ ngày 25/3/2023 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp ông G1, bà M không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số 641/2019/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 08/11/2019 để đảm bảo việc thu hồi nợ. Trong trường hợp, tài sản bảo đảm không đủ thanh toán cho khoản nợ của ông G1, bà M thì ông G1, bà M có nghĩa vụ tiếp tục trả đến khi hết nợ cho V.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc ông Huỳnh Bảo G1, bà Phạm Thị M phải liên đới nộp 10.433.700đ *(mười triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng).*

4.2. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 4.965.504đ theo biên lai thu số: 0013969 ngày 15/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7b, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Trương Văn Ánh	**Trần Thị Phận**	**Nguyễn Văn Mười Hai**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Tân;
- CCTHADS huyện Bình Tân;
- Lưu.

Nguyễn Văn Mười Hai